TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 783/2019/HC-PT
Ngày 31 tháng 10 năm 2019
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 713/2018/TLPT-HC ngày 10 tháng 12 năm 2018 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2018/HC-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2458/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Hồ Viết T, sinh năm 1955. Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 5, thị trấn N, huyện C, tỉnh B. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Ông Phạm Xuân T1 Công ty luật Đ – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà CTM, Số 299, đường C1, quận C2, thành phố Hà Nội. (có mặt)

Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho người bị kiện: Ông Lê Văn D (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị N1, sinh năm 1948. Địa chỉ: Thôn T2, xã B1, huyện C, tỉnh B (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1956. Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 5, thị trấn N, huyện C, tỉnh B. (có mặt)

Ông Nguyễn Văn Đ1, bà Trần Thị B2. Địa chỉ: 259 Hùng Vương, khu phố 4, thị trấn N, huyện C, tỉnh B. (vắng mặt).

Ông Nguyễn Công V. Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Huệ, phường P1, thành phố B3, tỉnh B. (vắng mặt).

Ông Trần Đại D, bà Dương Thị H. Địa chỉ: Ấp Phú Giao 2, thị trấn N, huyện C, tỉnh B. (vắng mặt).

Ông Hà Văn L, bà Mai Thị H1. Địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện C, tỉnh B. (vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị T3. Địa chỉ: 141 Lý Thường Kiệt, thị trấn N, huyện C, tỉnh B. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đầu năm 2016, ông T, bà P làm đơn gửi Chủ tịch UBND huyện C xin điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 538179 và công nhận số diện tích còn thiếu là 630,8m^2.

Ngày 16/9/2016, UBND huyện C Ban hành Công văn số 2753/UBND-VP kết luận: diện tích 630,8m^2 này thuộc khu cao su Hồng Lan do nhà nước quản lý và bác đơn của ông T, bà P.

Ngày 17/01/2017, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 504/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại ngày 27/9/2016 của ông T, bà P.

Ngày 14/8/2017, Chủ tịch UBND tỉnh có quyết định số 2282/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Hồ Viết T, theo đó kết luận: Việc Chủ tịch ban hành Công văn số 2753/UBND-VP và Quyết định số 504/QĐ-UB có nội dung "trả lời và bác đơn khiếu nại của ông T là không đúng với nội dung đơn, bản chất vụ việc và quy định của pháp luật về đất đai. Do đó khiếu nại của ông T là có cơ sở.Từ đó, đã quyết định: Công nhận khiếu nại của ông Hồ Viết T yêu cầu hủy Công văn số 2753/UBND-VP và Quyết định số 504/QĐ-UB là đúng. Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện C hủy bỏ Công văn số 2753/UBND-VP và Quyết định số 504/QĐ-UB; đồng thời yêu cầu UBND huyện C xem xét, giải quyết lại vụ việc đúng quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2017, ông T khiếu nại UBND huyện C cấp giấy chứng nhận thiếu diện tích mà gia đình đang thực tế sử dung.

Ngày 13/11/2017, UBND huyện C có Quyết định 5482/QĐ-UB về việc hủy bỏ Công văn số 2753/UBND-VP và Quyết định số 504/QĐ-UBND.

Ngày 27/11/2017, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 5647/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Viết T, theo đó có nội dung bác đơn khiếu nại của ông T khiếu nại UBND huyện C cấp giấy chứng nhận thiếu diện tích mà gia đình đang thực tế sử dụng.

Ngày 22/12/2017, ông Hồ Viết T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh B đối với Quyết định số 5647/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện C, yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 5647/QĐ-UBND và các giấy chứng nhận QSD đất đã cấp liên quan đến diện tích 630,8m^2.

Theo đơn khởi kiện của ông Hồ Viết T và người có quyền lợi, nghĩa liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày:

*Nguồn gốc đất và quá trình sử dụng***:** Năm 1987, ông T, bà P có mua của ông Vũ Tấn Lộc một mảnh đất có diện tích khoảng 5.688m^2 làm nhà ở. Khi chuyển nhượng có lập giấy tay, không ghi diện tích cụ thể, tuy nhiên có chỉ ranh, không có xác nhận của chính quyền. Đất có tứ cận: 01 phía giáp đất ông Nguyên Như Năm; 01 phía giáp đất ông Nguyễn Văn Hoàng, 01 phía giáp đất ông Dương Đình Hùng (nay đã chuyển nhượng cho bà Lưu Thị Kim Chi đang sử dụng); 01 phía giáp đường bò (nay là đường số 10 Lý Thường Kiệt).

Sau khi nhận chuyển nhượng, ông T, bà P sử dụng ổn định, liên tục làm nhà ở, trồng tiêu, điều từ đó đến nay, hiện nay ranh giới vẫn giữ nguyên.

Quá trình sử dụng, ông T, bà P có đăng ký kê khai đăng ký, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế hàng năm đối với diện tích 5.688m^2 cho nhà nước, ngoài các giấy tờ này thì không còn giấy tờ nào khác.

Năm 1991, ông T, bà P làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 5.688m^2 theo chủ trương chung của địa phương. Năm 1994, ông T, bà P tiếp tục đi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được UBND xã xác nhận vào hồ sơ xin cấp giấy đối với diện tích đất 5.688m^2.

Năm 1999, nhà nước tiến hành xác định đường ranh giới đất của nhà nước, có lấn vào gần một nửa diện tích đất của gia đình ông T, bà P, nên gia đình ông T, bà P chỉ còn lại khoảng hơn 3.000m^2. Do đó, gia đình ông Thái, bà P khiếu nai, và nhà nước đã xác định đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông T, bà P là 5.015m^2, diện tích đất này được ngăn cách bằng một đường mương đất với diện tích 630,8m^2 đang xin cấp. Do vậy, từ năm 1999 đến nay, gia đình ông T, bà P không còn sử dụng diện tích 630,8m^2 nữa.

Ngày 30/10/2000, gia đình ông T, bà P được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số R 538179 với diện tích là: 5.015m^2 thuộc các thửa 135, 136 tờ bản đồ số 37 thị trấn N.

Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì do bận mưu sinh nên ông T, bà P không khiếu nại đối với diện tích còn thiếu chưa được

cấp 630,8m^2 so với diện tích trong đơn xin cấp giấy. Đến năm 2016 mới xin cấp diện tích còn thiếu này.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông T, bà P yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5647/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Viết T (lần đầu), để công nhận quyền sử dụng diện tích đất 630,8m^2 cho ông T, bà P. Cơ sở khởi kiện như sau:

- Đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ năm 1987, gia đình ông T, bà P đã sử dụng ổn định từ năm 1987.

- Hàng năm ông T, bà P đều đóng thuế nhà, đất (hiện vẫn còn giữ được một số biên lai).

Do vậy, đến năm 1999, nhà nước lại cho rằng diện tích 630,8m^2 là của nhà nước và sau đó giao lại cho 5 người khác là không có cơ sở.

Đối với 02 thửa đất đã cấp cho bà Lưu Thị Kim Chi thì ông T, bà P không tranh chấp, từ trước đến nay cũng không sử dụng diện tích đất này.

Theo Văn bản ý kiến số 1756/UBND-TNMT ngày 15/6/2018 của người bị kiện cũng như quá trình tố tụng tại Tòa án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện C và UBND huyện C trình bày:

Theo hồ sơ địa chính năm 1991, thửa đất số 41 tờ bản đồ số 37, có diện tích 5.988m^2 do ông Hồ Viết T đứng tên kê khai đăng ký trong sổ mục kê năm 1991; loại đất: thổ+CN/tiêu. Nguồn gốc mua của ông Chín năm 1986. Năm 1991, ông T xin cấp giấy thửa 41/5988m^2, tuy nhiên Hội đồng xét duyệt xã N xác nhận: đất lấn chiếm của Nông trường C, đề nghị không cấp.

Đối với hồ sơ xin cấp giấy năm 1994 của ông T thì UBND huyện không lưu giữ.

Đến năm 1999, nhà nước tiến hành xác định ranh giới đất nhà nước quản lý, tiến hành đo đạc chỉnh lý theo ranh theo hiện trạng người dân sử dụng để cho người dân kê khai đăng ký cấp giấy (thời điểm đó khi nhà nước đo đạc, chỉnh lý theo hiện trạng thì không lập biên bản ký xác định ranh hiện trạng, giáp ranh ký), thì thấy gia đình ông T sử dụng 02 thửa: thửa số 135 (diện tích 2.930m$^{2)}$, thửa 136 (2.085m^2) tờ bản đồ địa chính số 37. Trong đó thửa 135 thuộc 01 phần thửa 41 tờ bản đồ 37 (cũ); thửa 136 (2.085m^2) là lấn chiếm đất nhà nước thuộc thửa 27 tờ bản đồ số 37. Tuy nhiên, do cả 02 thửa này gia đình ông T đang thực tế sử dụng, làm nhà ở, trồng cây lâu năm trên đất. Nên năm 2000, ông Hồ Viết T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 538179 với tổng diện tích 5.015m^2 thuộc các thửa đất số 135 (diện tích 2.930m$^{2)}$, 136 (2.085m^2) tờ bản đồ địa chính số 37.

Đối với phần còn lại của thửa 41 tờ bản đồ địa chính số 37 (cũ) mà ông Hồ Viết T kê khai đăng ký vào thời điểm năm 1991, được chia thành các thửa:

- Thửa đất số 125 có diện tích 2.236m^2, bà Lưu Thị Kim Chi sử dụng, kê khai đăng ký năm 1997 và đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 586529 ngày 11/12/1997 cho hộ bà Lưu Thị Kim Chi.

- Thửa đất số 134 có diện tích 184m^2, bà Lưu Thị Kim Chi sử dụng và đã được UBND huyện cấp (cấp bổ sung) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 538152 ngày 30/10/2000 cho hộ bà Lưu Thị Kim Chi.

- Thửa đất số 41 có diện tích 292m^2, hiện nay diện tích đất này chưa ai đăng ký trong hồ sơ địa chính.

Về cơ sở UBND huyện cấp giấy cho bà Chi: Do bà Chi kê khai đăng ký và sử dụng thực tế từ năm 1997. Khi cấp giấy cho bà Chi, bà Chi có chỉ ranh theo hiện trạng, không có người giáp ranh ký. 02 thửa đất cấp cho bà Chi được ngăn cách với thửa đất cấp cho gia đình ông T sử dụng bằng một con đường đất (nay là con đường nhựa). Ông T không tranh chấp với 02 thửa đất đã cấp cho bà Chi.

Về phần đất ông T yêu cầu cấp bổ sung 630,8m^2 là thuộc 01 phần thửa 27 tờ bản đồ 37, có nguồn gốc: Năm 1988, UBND tỉnh Đồng Nai có Quyết định số 22 ngày 05/1/1988, nội dung nhận hiến đất của đồn điền Cao su Hồng Lan để giao cho Nông trường cao su Châu Thành khai thác. Năm 1992, Nông trường cao su Châu Thành không còn nhu cầu trồng cao su nên trả lại nhà nước. Do vậy, UBND có quyết định 524 ngày 15/6/1994 thu hồi giao cho xã N quản lý, diện tích 630,8m^2 ông T yêu cầu cấp giấy nằm trong diện tích đất này.

Ngày 28/8/2002, UBND huyện có Quyết định giao đất có thu tiền cho các hộ, trong đó có diện tích đất 630,8m^2 ông T đang yêu cầu cấp giấy, diện tích đất này giao cho 05 hộ, gồm các hộ sau:

- Hộ ông Võ Văn Tứ theo Quyết định số: 1212/QĐ-UB ngày 28/08/2002; diện tích giao 120m^2.

- Hộ ông Vương Hồng Khanh theo Quyết định số: 1204/QĐ-UB ngày 28/08/2002; diện tích giao 122m^2.

- Hộ bà Đồng Thị Hương theo Quyết định số: 1210/QĐ-UB ngày 28/08/2002; diện tích giao 123m^2.

- Hộ bà Lê Thị Nga theo Quyết định số: 1209/QĐ-UB ngày 28/08/2002; diện tích giao 126m^2.

- Hộ ông Nguyễn Công Vinh theo Quyết định số: 1220/QĐ-UB ngày 28/08/2002; diện tích giao 128m^2.

Khi cấp cho 05 hộ dân trên, diện tích đất của 05 hộ dân ngăn cách với diện tích đã cấp cho ông ông T bằng 01 con mương. Hiện nay, con mương này không còn. Do đất thuộc quản lý nhà nước nên khi giao đất, chỉ có trích đo bản đồ chứ không chỉ ranh, không có tứ cận ký, 05 hộ dân được giao đất theo diện phải nộp tiền sử dụng đất và đã được cấp giấy.

Việc ông T yêu cầu công nhận diện tích đất 630,8m^2 là không có cơ sở vì:

- Nguồn gốc đất do nhà nước quản lý, ông T không kê khai đăng ký và không sử dụng diện tích đất này.

- Hiện nay, nhà nước đã giao cho các hộ dân sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 28/8/2002, các hộ ông Võ Văn Tứ, ông Vương Hồng Khanh, bà Đồng Thị Hương, bà Lê Thị Nga, ông Nguyễn Công Vinh được UBND huyện có Quyết định giao đất có thu tiền cho các hộ. Cùng năm 2002, các hộ đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận diện tích được giao.

Sau đó, quá trình sử dụng một số hộ đã chuyển nhượng cho người khác, cụ thể:

- Năm 2003, ông Tú đã chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị Kim Anh, bà Anh đã được cấp giấy chứng nhận, sau đó đến năm 2018 bà Anh tiếp tục chuyển nhượng cho ông Trần Đại Diện, bà Dương thị Hòa và ông Diện bà Hòa đã được điều chỉnh đứng tên trong giấy chứng nhận.

- Năm 2017, ông Khanh chuyển nhượng cho hộ ông Nguyễn Văn Khải, bà Nguyễn Thị Thanh và đã điều chỉnh đứng tên ông Khải, bà Thanh trong giấy chứng nhận.

- Năm 2003, bà Đồng Thị Hương chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Liên, năm 2013 bà Liên tiếp tục chuyển nhượng cho ông Hà Văn Liêm, bà Mai Thị Hằng và ông Liêm, bà Hằng đã được cấp giấy chứng nhận năm 2013.

- Ngày 25/6/2018, bà Lê Thị N1 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đáp, bà Trần Thị Bường, có xác nhận của cơ quan công chứng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng: Các đương sự được giao đất, cấp giấy chứng nhận và sau đó thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy không đồng ý với ý kiến của người khởi kiện.

Từ nội dung vụ án trên bản án sơ thẩm số 57/2018/HC-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B tuyên xử:

Áp dụng các Điều 1, 3, 73 Luật Đất đai năm 1993, được sửa đổi bổ sung năm 1998, năm 2001.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Viết T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P về việc "yêu cầu hủy Quyết định số 5647/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông T; hủy các giấy chứng nhận QSD đất đã cấp liên quan đến diện tích 630,8m^2 thuộc 01 phần thửa 27 tờ bản đồ 37, tọa lạc tại thị trấn N, huyện C".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị P vợ của ông Hồ Viết T (bà P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) kháng cáo yêu cầu sửa án

sơ thẩm, xử theo hướng chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Viết Thái, huỷ Quyết định số 5647/QĐ - UBND ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh B; chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của gia đình bà.

Tại phiên toà cấp phúc thẩm hôm nay bà Nguyễn Thị P vẫn giữ theo yêu cầu kháng cáo như trên.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho ông T, bà P cho rằng năm 1999 UBND huyện C tiến hành cưỡng chế 25 hộ lấn chiếm đất không có hộ ông T, bà P; không có việc nhận hiến đất của đồn cao su Hồng Lan; UBND lấy đất của hộ ông T không có Quyết định thu hồi đất, không giải quyết bồi thường thành quả là không đúng; đất còn tránh chấp UBND lấy cấp cho các hộ khác là không đúng. Luật sư đề nghị diện tích còn lại 241m^2 chưa cấp cho ai – cấp cho hộ ông T; đề nghị huỷ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND cấp cho các hộ khác trong diện tích 630,8m^2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND – Chủ tịch UBND huyện C thì đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm xử.

Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm xử.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị P (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án) kháng cáo làm trong hạn luật định, nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

Theo đơn khởi kiện của ông Hồ Viết T cũng như theo trình bày của bà Nguyễn Thị P thì vào năm 1987 ông T, bà P có mua của ông Vũ Tấn Lộc 01 mảnh đất có diện tích khoảng 5.688m^2 để làm nhà ở, khi chuyển nhượng có viết giấy tay, không ghi diện tích cụ thể, nhưng có xác định diện tích tứ cận. Sau khi chuyển nhượng năm 1991 có đăng ký quyền sử dụng đất, năm 1994 xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Năm 1999, nhà nước đo đạc xác định lại ranh giới, xác định gia đình ông sử dụng 02 thửa (thửa 135 diện tích 2930m^2, thửa 136 diện tích 2.085m^2 = 5015m^2) UBND huyện C cấp quyền sử dụng đất cho gia đình ông, bà vào năm 2000 với diện tích 5.015m^2, còn lại 630,8m^2 đất UBND huyện C cho rằng đất do UBND xã N quản lý nên không cấp cho gia đình ông, bà mà cấp quyền sử dụng đất cho người khác, nên ông, bà khiếu nại, UBND huyện C ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 5647/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chủ tịch UBND huyện C – Không

chấp nhận khiếu nại của ông, bà là không đúng, nên ông, bà khởi kiện đòi huỷ Quyết định trên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T, bà P cho rằng ông, bà có mua đất của ông Vũ Tấn Lộc một mảnh đất, khi chuyển nhượng có viết giấy tay, không ghi diện tích cụ thể.

Theo UBND huyện C cho rằng nguồn gốc phần đất tranh chấp 630.8m^2, năm 1988 có Quyết định số 22 ngày 05 tháng 01 năm 1988 nhận hiến đất của đồn cao su Hồng Lan giao cho nông trường cao su Châu Thành khai thác, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992 nông trường cao su Châu Thành không trồng cao su nữa. Tại Quyết định số 524 ngày 15 tháng 6 năm 1999 thu hồi giao cho UBND xã N quản lý, 630,8m^2 đất ông T yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc 01 phần thửa 27, tờ bản đồ số 37, toạ lạc tại thị trấn N không nằm trong thửa mà ông T kê khai (thửa mà ông Thái kê khai là thửa số 135 và 136, tờ bản đồ số 27), thửa số 27 với 02 thửa đất mà ông T kê khai được phân chia bằng một mương thoát nước, năm 2000 gia đình ông T được UBND huyện xem xét cấp 5.015m^2 tại 02 thửa 135 và 136, phần đất còn lại 630,8m^2 tại thửa số 27 UBND huyện C cấp quyền sử dụng đất cho các hộ khác như hộ ông Võ Văn Tứ, ông Vương Hồng Khanh, bà Đồng Thị Hương, bà Lê Thị N1, ông Nguyễn Công V. Sau đó 01 số hộ này chuyển nhượng lại cho người khác. Nên UBND huyện C không chấp nhận theo yêu cầu của ông T cấp quyền sử dụng 630,8m^2 đất trên cho hộ ông T.

Do ông T, bà P không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc sử dụng đất hợp pháp như không xuất trình được giấy tờ chuyển nhượng đất theo quy định, không có quá trình sử dụng đất, nên UBND huyện C giao đất cho các hộ khác có thu tiền sử dụng đất, không chấp nhận theo yêu cầu của ông T, bà P. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu cảu ông T cũng như yêu cầu của bà P đòi hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5647/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chủ tịch UBND huyện C, cũng như bác yêu cầu của ông T, bà P đòi hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện C cấp phần đất tranh chấp nêu trên cho các hộ khác, xét xử như trên là có căn cứ, đúng pháp luật quy định. Bà P kháng cáo yêu cầu xem xét lại nhưng tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay bà P và người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho ông T, bà P không đưa ra được tình tiết nào khác ngoài cấp sơ thẩm xem xét, nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Chấp nhận theo quan điểm của người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện và quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là giữ y án sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị P.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 1; Điều 3; Điều 73 Luật đất đai năm 1993, được sửa đổi, bổ sung năm 1998.

Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Viết T và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5647/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh B và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan đến diện tích 630.8m^2 thuộc 01 phần thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại thị trấn N, huyện C, tỉnh B.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P được miễn án phí (người cao tuổi) theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/10/2019.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng, (ĐTT -21).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Chánh Trung